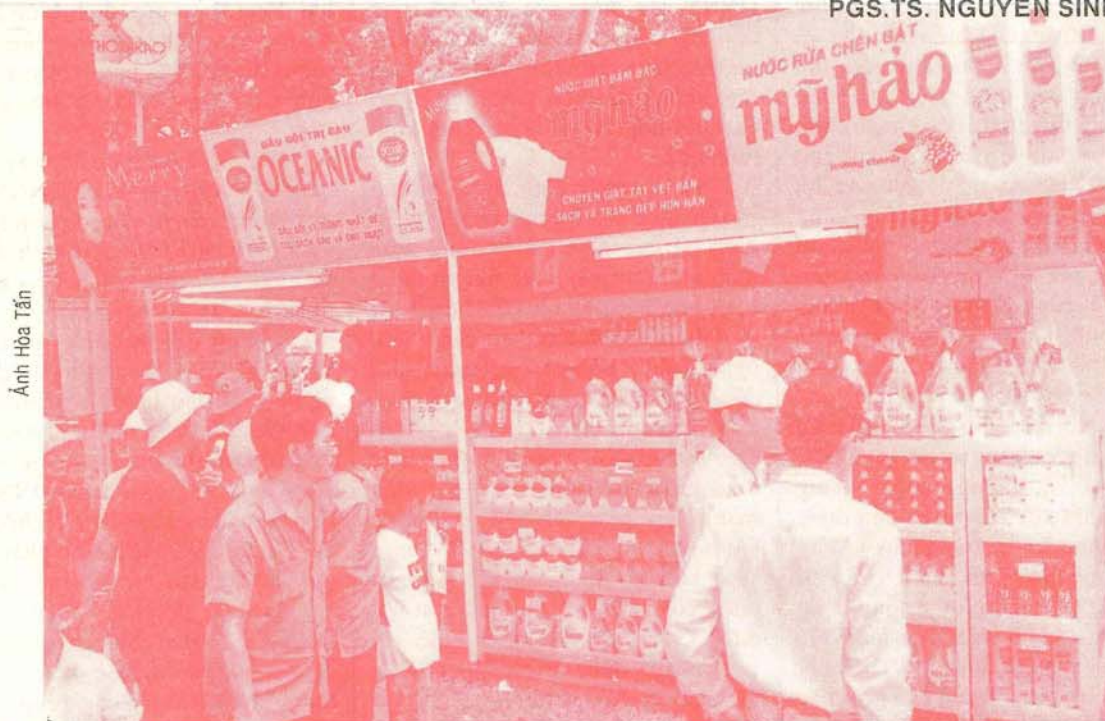


Tổng quan kinh tế 6 tháng đầu năm 2004

PGS.TS. NGUYỄN SINH CÚC



Ảnh Hòa Tấn

1. Bối cảnh chung không thuận lợi

Sáu tháng đầu năm 2004, kinh tế nước ta phát triển trong điều kiện không thuận lợi: Hạn hán gay gắt ở các tỉnh phía Bắc và duyên hải miền Trung; dịch cúm gia cầm xảy ra trên diện rộng thuộc 57 tỉnh, thành phố trực thuộc TW, 381 huyện, quận và 2.574 xã, phường, kéo dài trong 3 tháng đầu năm. Số lượng gia cầm bị chết và tiêu hủy lên tới 38 triệu con, bằng 15,1% tổng đàn gia cầm cả nước. Thiệt hại do dịch cúm gia cầm gây ra rất nặng nề về tài chính (trên 1.400 tỷ đồng) và ảnh hưởng xấu đến các ngành sản xuất, dịch vụ, trong đó nặng nhất là nông nghiệp, du lịch, hàng không, môi trường sinh thái, thị trường, giá cả và đời sống dân cư trên phạm vi cả nước. Thêm vào đó,

thị trường và giá cả thế giới biến động bất lợi cho hoạt động xuất khẩu nước ta, nhất là giá thép xây dựng, xăng dầu, phân bón... tăng cao và kéo dài gây nhiều khó khăn cho các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ vận tải. Hàng hóa xuất khẩu vào thị trường lớn như EU, Mỹ thu hẹp bởi giảm hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may và vụ kiện tôm nhập khẩu sang Hoa Kỳ. Về chủ quan, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2003 không đạt kế hoạch, trong đó rõ nét nhất là tốc độ giải ngân nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản nhiều công trình trọng điểm đạt thấp, đầu tư nước ngoài tăng chậm đã ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên nhiều lĩnh vực.

Trước những khó khăn và thách thức mới, Chính phủ đã có nhiều chủ trương và giải pháp tích

cực, kịp thời để khắc phục hoặc hạn chế nó, đổi mới mạnh mẽ phương thức điều hành, tạo điều kiện hỗ trợ các ngành, các địa phương, nhất là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế ổn định sản xuất, mở rộng kinh doanh, dịch vụ. Nhờ đó, 6 tháng đầu năm 2004, kinh tế nước ta vẫn tiếp tục phát triển toàn diện theo chiều hướng tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế chung cũng như từng ngành vẫn duy trì ở mức cao so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, khó khăn và thách thức mới vẫn còn nhiều.

2. Kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra

Kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa đều: Kinh tế 6 tháng đầu năm 2004 tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá cao. Tổng sản phẩm

trong nước (GDP) tăng 7% so với cùng kỳ 2002. Tuy chưa đạt mục tiêu đề ra (7,5%) nhưng tốc độ tăng trưởng 6 tháng qua đã cao hơn tốc độ tăng cùng kỳ năm 2003 (6,9%). Trong 3 khu vực kinh tế, GDP công nghiệp và xây dựng tăng 10%, nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 2% và dịch vụ 7% (cùng kỳ 2003 là 10,21%; 2,49% và 6,38%). Trong 7% tăng trưởng GDP, khu vực nông lâm thủy sản đóng góp 0,4% công nghiệp và xây dựng đóng góp 3,8% và dịch vụ đóng góp 2,8%. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng công nghiệp từ 40% 6 tháng đầu năm 2003 lên 41,3% 6 tháng đầu năm 2004, tỷ trọng dịch vụ 38,3% và 37,6%, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GDP từ 21,7% xuống 21,1% trong thời gian tương ứng, nhưng giá trị tuyệt đối mỗi khu vực đều tăng so với cùng kỳ năm 2003.

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, trong đó có một số khó khăn gay gắt hơn cùng kỳ các năm trước, nhưng tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,0%, cơ cấu GDP chuyển dịch theo hướng tích cực là cố gắng lớn của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và hàng chục triệu hộ gia đình. Các ngành sản xuất và hoạt động dịch vụ đều có bước phát triển mới nhưng vẫn đề đặt ra vẫn còn nhiều.

Nông lâm nghiệp và thủy sản phát triển khá nhưng chưa đều: Bên cạnh những khó khăn chung của nền kinh tế, 6 tháng đầu năm 2004 sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản còn có những khó khăn đặc thù, gay gắt hơn cùng kỳ các năm trước. Mặc dù vậy, sản xuất khu vực này vẫn khởi sắc trên một số mặt.

Kết thúc vụ Đông Xuân 2004, nông nghiệp được mùa lúa, ngô, cây ăn quả. Sản lượng lương thực có hạt đạt 18,68 triệu tấn, tăng 2,5% (+52 nghìn tấn) so với vụ Đông Xuân 2003. Không chỉ tăng sản lượng mà chất lượng và cơ cấu lương thực đã có bước chuyển tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu gạo. Sản xuất lúa đã chuyển từ tăng diện tích sang tăng

năng suất và chất lượng gạo. Diện tích lúa Đông Xuân 2004 đạt 2.978,4 nghìn ha, giảm 44,2 nghìn ha, năng suất đạt 57,1 tạ/ha, tăng 1,4 tạ/ha và sản lượng đạt 17 triệu tấn, tăng 173 nghìn tấn so với Đông Xuân 2003. Nhiều vùng và địa phương đã chủ động chuyển đổi cơ cấu giống lúa từ năng suất cao sang chất lượng cao để tăng hiệu quả thu nhập trên đơn vị diện tích. Xu hướng này thể hiện rõ nhất ở vùng ĐBSCL và ĐBSH, nhất là An Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Nam Định, Hải Dương. Vụ lúa ĐBSCL vẫn được mùa toàn diện: sản lượng đạt 8,6 triệu tấn, tăng 117 nghìn tấn, năng suất đạt 58,7 tạ/ha, tăng 2 tạ/ha so với Đông Xuân 2003 dù diện tích giảm 26,6 nghìn ha. Đánh giá chung cả nước, sản xuất lúa vụ Đông Xuân 2004 được mùa về năng suất và sản lượng dù cho diện tích giảm do chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở những vùng đất khô hạn, thiếu nước phải chuyển sang trồng màu, cây công nghiệp có lợi hơn.

Sản xuất ngô có tiến bộ vượt bậc: Diện tích đạt 484,7 nghìn ha, tăng 52,2 nghìn ha (21,1%), năng suất đạt 34,7 tạ/ha, tăng 2,3 tạ/ha (7%), sản lượng đạt 1,6 triệu tấn, tăng 279,6 nghìn tấn (20%) so với Đông Xuân 2003 và là mức cao nhất từ trước đến nay. Nhờ đó cơ cấu sản lượng lương thực đã thay đổi: Tỷ trọng ngô từ 7,7% Đông Xuân năm 2003 lên 8,6% Đông Xuân 2004, tỷ trọng lúa giảm từ 92,3% xuống 91,6%. Sự thay đổi này đã đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, giảm dần nhập khẩu ngô. Sản xuất màu, cây công nghiệp, cây ăn quả đều có tiến bộ; sản lượng khoai lang tăng 20%; sản lượng tăng 23% so với vụ Đông Xuân 2003. Vụ Đông ở miền Bắc đạt kết quả khá. Cây ăn quả được mùa trên phạm vi cả nước. Lâm nghiệp phát triển trong khó khăn. Diện tích rừng trồng tập trung 6 tháng đạt 94,5 nghìn ha, xấp xỉ cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ khai thác đạt 1.315,7 nghìn m³, tăng 0,6%. Diện tích rừng thiệt hại do bị cháy và bị phá chung 6 tháng là 4.377 ha, giảm 270 ha so cùng kỳ

2003.

Sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm ước đạt 1.416 nghìn tấn, tăng 4,9% so cùng kỳ, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng 12,12%, riêng tôm nuôi tăng 19,9%). Chủ trương chuyển đất lúa năng suất thấp ở vùng bán đảo Cà Mau sang nuôi tôm bước đầu đã đem lại kết quả tích cực, dù còn nhiều khó khăn. Sản lượng thủy sản đánh bắt đạt 988 nghìn tấn, tăng 3,8%, trong đó khai thác hải sản biển đạt 858 nghìn tấn tăng 4,5%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2004, giá trị sản xuất khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 77.736,4 tỷ đồng (giá cố định 1994) tăng 3,1%, trong đó nông nghiệp tăng 2,59%, thủy sản tăng 5,66%; lâm nghiệp tăng 0,3%.

Vấn đề đặt ra cho khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2004 là tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất có xu hướng chậm lại so với cùng kỳ các năm trước, trong đó rõ nhất là thủy sản và lâm nghiệp. Cùng kỳ năm 2003 thủy sản tăng 9%; lâm nghiệp tăng 1%. Chất lượng và hiệu quả sản xuất chưa cao, mức độ đóng góp cho tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế còn hạn chế.

Tính tự phát, không theo quy hoạch và kế hoạch trong sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi vẫn diễn ra phổ biến đã và đang dẫn đến tình trạng "được mùa mất giá" đối với nhiều nông sản hàng hóa. Rõ nhất là trái cây: Từ đầu tháng 5 đến cuối tháng 6, trái cây Nam bộ đang rộ mùa nhưng rơi giá thảm hại. Một số cây nổi tiếng như xoài, sầu riêng, nhãn tiêu Huế... hàng dội chợ, nhiều nơi phải trưng biện "Đại hạ giá" nhưng vẫn khó bán. Nhiều chủ vườn trái cây lớn ở Cái Bè, Tiền Giang chuyển cung ứng trái cây tươi cho thị trường Trung Quốc và Hà Nội kêu rằng đường đi của trái cây ĐBSCL đang hẹp lại vì cung vượt cầu và phải cạnh tranh với trái cây Thái Lan ngay trên sân nhà. Tình hình tương tự cũng đang diễn ra với vải thiều ở các tỉnh phía Bắc. Giá vải thiều trong tháng 6 trên thị trường Hà Nội

chỉ 3.500 đồng đến 4.000 đồng/kg, giảm trên 50% so với cùng kỳ năm 2003 do diện tích vải thiều tăng quá nhanh trong khi đó sức tiêu thụ của dân cư có hạn, cơ sở chế biến còn nhiều bất cập nên xuất khẩu khó khăn.

Chăn nuôi tăng chậm, ngoài nguyên nhân khách quan là dịch cúm gia cầm còn có nguyên nhân chủ quan là sản xuất phân tán, quy mô nhỏ theo hộ gia đình là chính nên chất lượng sản phẩm chưa cao, chi phí đầu vào lớn, sản phẩm kém sức cạnh tranh, thị trường xuất khẩu thịt lợn, thịt gia cầm chưa ổn định. Giá trị sản xuất chăn nuôi 6 tháng qua giảm 2,3% so cùng kỳ.

Sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao nhưng chưa đều: Trong 6 tháng đầu năm 2004 sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng khá cao. Giá trị sản xuất công nghiệp cả nước đạt trên 176,6 nghìn tỷ đồng, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2003. Tuy tốc độ tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ năm 2003 (15,7%), nhưng kết quả đó đạt được trong điều kiện giá thép, xăng dầu, hóa chất nhập khẩu tăng cao đột biến và kéo dài trong 6 tháng qua là cố gắng lớn của sản xuất công nghiệp.

Công nghiệp khu vực nhà nước vẫn đạt tốc độ tăng khá; chung 6 tháng tăng 11,9% (TW quản lý tăng 14,3%, địa phương quản lý tăng 7%); khu vực ngoài nhà nước tăng nhanh nhất 21,8% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 14,7%. Nét mới của công nghiệp 6 tháng qua là sản phẩm dầu mỏ khí đốt có tỷ trọng lớn, chiếm 10% tổng giá trị công nghiệp của cả nước, tăng trưởng 20,5%, cao nhất trong những năm gần đây. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có vị trí then chốt, chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất đều tăng khá, trong đó đáng chú ý là than đạt 12 triệu tấn tăng 32,4%; dầu thô đạt 9,9 triệu tấn, tăng 13%; thủy sản chế biến tăng 16,2% quần áo may sẵn tăng 17,8%; giấy bìa tăng 29,7%; phân hóa học tăng 9,8%; gạch xây dựng tăng 14,7%, gạch lát tăng trên 20,6%; tivi ráp tăng 25,3%; xe máy lắp ráp tăng 46,8%; xe đạp hoàn chỉnh tăng 105% và điện tăng 12%.

Các tỉnh, thành phố có quy mô công nghiệp lớn đều tăng trên mức bình quân của các nước như: Hà Nội tăng 15,8%; Hải Phòng tăng 16%; Hà Tây tăng 20,3%; Bình Dương tăng 33%; Vĩnh Phúc tăng 24,8%, Khánh Hòa tăng 21,1%; Cần Thơ tăng 24%; Quảng Ninh tăng 23,2%; Đà Nẵng tăng 19,4%; Thanh Hóa tăng 18,6%... Nguyên nhân của kết quả đó là: Một số sản phẩm đã ký hợp đồng tiêu thụ và xuất khẩu từ đầu năm 2004 nên có thị trường tiêu thụ dễ dàng như than, giấy dếp, hàng thủ công mỹ nghệ, dây cáp điện và phụ tùng xe đạp, hàng điện tử, đồ gỗ chế biến, thủy sản chế biến. Trong điều kiện khó khăn về nguyên liệu, nhiên liệu và thị trường xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư chiều sâu, đổi mới máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ để tăng chất lượng, giảm chi phí đầu vào, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Nhờ đó nhiều sản phẩm công nghiệp đã đứng vững trên thị trường và tăng trưởng khá.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp 6 tháng qua chưa đều, trong đó có nhiều ngành sản phẩm và một số địa phương tăng chậm, thậm chí giảm so với cùng kỳ năm trước: Thép cán chỉ bằng 99,5%; động cơ điện tăng 2,7%; động cơ diesel bằng 93,7%; máy biến thế tăng 7,3%; quạt điện dân dụng giảm 9,1%; thuốc ống giảm 4,4%, thuốc viên tăng 2,4%, sử dụng sinh tăng 5,2%, xi măng tăng 9,5%, ô tô lắp ráp chỉ bằng 98% (do áp dụng biểu thuế nhập khẩu mới từ 1.1.2004 làm tăng giá bán ô tô từ 27-30% làm giảm sức sản xuất và tiêu thụ) so cùng kỳ năm 2003... Một số địa phương có tỷ trọng công nghiệp lớn đã xuất hiện xu hướng chững lại, trong đó đáng chú ý là Bà Rịa - Vũng Tàu chỉ tăng 0,4%; Phú Thọ tăng 8,1%; TP.HCM chỉ tăng 14,7%... Nguyên nhân của tình trạng này một phần do sự biến động bất lợi về giá cả thị trường thế giới diễn biến phức tạp, nhưng mặt khác là do cơ cấu sản xuất công nghiệp ở một số ngành và địa phương 6 tháng qua vẫn còn bất hợp lý. Tốc độ tăng trưởng cao phụ thuộc quá lớn vào

công nghiệp khai thác dầu thô và than. Tỷ trọng công nghiệp gia công còn lớn, trong khi đó tỷ trọng công nghiệp chế tác còn bé, tỷ trọng nguyên nhiên vật liệu ngoại nhập cao nên mức độ phụ thuộc vào bên ngoài quá lớn, thị trường xuất khẩu tăng chậm. Khu vực công nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng lớn nhưng vẫn trong tình trạng tăng trưởng chậm hơn 2 khu vực còn lại và chưa có triển vọng tăng tốc...

Đầu tư xây dựng: Tổng số vốn đầu tư phát triển trong 6 tháng đầu năm đạt 116,9 nghìn tỷ đồng, bằng 46,9% kế hoạch năm và tăng 14% so cùng kỳ năm 2003. Trong tổng số vốn đầu tư phát triển, vốn nhà nước chiếm 52,9% và tăng 12,8%; vốn ngoài quốc doanh chiếm 27,9% và tăng 10,5%, vốn FDI chiếm 19,2% và tăng 22,9%. Thực hiện vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách đạt 18,4 nghìn tỷ đồng, bằng 49,6% kế hoạch cả năm, trong đó TW quản lý 7 nghìn tỷ đồng, đạt 54,3% kế hoạch năm, vốn địa phương quản lý 11,34 nghìn tỷ đồng, đạt 47,1% kế hoạch năm.

Đầu tư nước ngoài: Trong 6 tháng qua cả nước có 280 dự án được cấp giấy phép với số vốn đăng ký 808,6 triệu USD. Ngành công nghiệp và xây dựng có 201 dự án và 479,6 triệu USD; ngành nông nghiệp, thủy sản có 37 dự án và 207,6 triệu USD; ngành dịch vụ có 42 dự án và 119,4 triệu USD. Các tỉnh phía Nam có 199 dự án và 454,7 triệu USD vốn, chiếm 71,1% về số dự án 56,4% số dự án và 43,6% về số vốn đăng ký.

Thương mại, du lịch khởi sắc, giá cả tăng cao: Chung 6 tháng đầu năm 2004, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội đạt 178,6 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 17,3% so cùng kỳ năm 2003, trong đó kinh tế nhà nước đạt 28,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 16% và tăng 12%; cá thể đạt 112,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 63,3% và tăng 16%, khu vực tư nhân đạt 31,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 17,6% và tăng 30,6% và khu vực FDI đạt 3,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,1% và giảm 0,1% so cùng kỳ năm 2003.

Hoạt động xuất khẩu khởi sắc:

6 tháng đầu năm 2004, kim ngạch xuất khẩu đạt 11,8 tỷ USD tăng 19,8% so với cùng kỳ năm 2003 (cùng kỳ năm 2003 tăng 17,4%), trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 5341 triệu USD, tăng 9,2% khu vực FDI đạt 6.457 triệu USD tăng 30,2% (dầu thô tăng 29,3% và hàng hóa khác tăng 30,8%). Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực vẫn tăng khá: Dầu thô đạt 9,7 triệu tấn, tăng 12,6% về lượng và 29,3% về kim ngạch do giá dầu thế giới tăng cao; giày dép đạt 1.290 triệu USD, tăng 12,9%; dệt may đạt 1.996 triệu USD, tăng 7,8; gạo đạt 2.253 nghìn tấn bằng 96,7% về lượng và kim ngạch đạt 506 triệu USD, tăng 14,5% so cùng kỳ năm 2003. Các mặt hàng xuất khẩu tăng cao trong 6 tháng qua là sản phẩm gỗ tăng 46,9%; điện tử, máy tính tăng 28%, cà phê tăng 52% về lượng và tăng 46% về kim ngạch; hạt điều tăng 30% về kim ngạch, xe đạp và phụ tùng tăng 68,1%, than đá tăng 59,9% về kim ngạch, dây điện và dây cáp điện tăng 27,7% và chè tăng 71% về lượng và 44% về kim ngạch. Xuất khẩu thủy sản đạt 972 triệu USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2003 và bằng 37,4% kế hoạch năm.

Kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đạt 14,16 tỷ USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước và chậm hơn tốc độ xuất khẩu, trong đó khu vực trong nước đạt 9,09 tỷ USD, tăng 12,8%, khu vực FDI đạt 5,67 tỷ USD, tăng 18,2%. Các mặt hàng có kim ngạch tăng cao như xăng dầu, sắt thép đặc biệt là phôi thép, phân URE, hóa chất, bông, vải, gỗ... Nhập khẩu xăng dầu tăng 25,6%; sắt thép tăng 21,3, bông tăng gấp 2 lần; phân bón tăng 24%, gỗ và phụ liệu gỗ tăng 67%. Nguyên nhân chủ yếu nhập khẩu tăng cao là do giá trên thị trường thế giới tăng. Nhập siêu 6 tháng ước 2,36 tỷ USD, bằng 20% kim ngạch xuất khẩu, chủ yếu do tăng giá hàng nhập khẩu.

Du lịch phục hồi: Khách quốc tế đến VN trong 6 tháng đầu năm đạt xấp xỉ 1,4 triệu người, tăng 29,6% so với cùng kỳ năm 2003, trong đó đến với mục đích du lịch là

732 nghìn lượt người, tăng 36,1%, thăm thân nhân tăng 29,5%; vì công việc, tăng 11% so cùng kỳ. Khách du lịch tháng 5 và 6 tăng khá so với tháng 4 do Festival Huế và lễ hội kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

Vấn đề đặt ra trong lĩnh vực thương mại giá cả là, trong 6 tháng qua giá cả tăng cao. Giá cả tháng 6.2004 tăng 7,2% so với tháng 12.2003, vượt chỉ tiêu do Quốc hội đề ra cho cả năm 2004 (Chỉ tiêu Quốc hội đề ra cả năm tăng dưới 5%) trong đó các nhóm hàng tiêu dùng chủ yếu đều tăng cao: Lương thực, thực phẩm tăng 13,2% (lương thực tăng 11,5%; thực phẩm tăng 14,6%) được phẩm y tế tăng 6,6% nhà ở vật liệu xây dựng tăng 4,8%. Nếu so với cùng kỳ năm 2003 giá tiêu dùng tăng 8,3%, là mức tăng giá cao nhất kể từ nhiều năm nay và là vấn đề đáng lo ngại nhất. Tốc độ này không những vượt tốc độ tăng giá cả năm 2004 do Quốc hội cho phép mà đáng lo hơn là đang tiềm ẩn những yếu tố chưa ổn định và chưa có khả năng giảm trong những tháng tới. Giá vàng tháng 6 bằng 99,1% và giá USD tăng 0,2% so với tháng 12.2003.

Tài chính, ngân hàng phát triển ổn định.

Thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2004 ước đạt 49,7% dự toán cả năm và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2003. Riêng thu nội địa đạt 50% dự toán năm và tăng 17,5%. Thu từ doanh nghiệp FDI đạt 50,5% (chưa kể dầu thô), thu thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao đạt 54,1%; các khoản thu về nhà đất đạt 75,4%; thu thúc sử dụng đất nông nghiệp đạt 70,5%; thu từ dầu thô đạt 60% dự toán năm nhờ giá dầu thô tăng cao. Nguồn thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 42,1% dự toán năm do tác động bất lợi của thị trường và giá cả thế giới về các mặt hàng nhập khẩu lớn như thép, xăng dầu và phân bón hóa chất. Chi ngân sách ước đạt 43,9% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 51,5%; chi đầu tư phát triển đạt 37,6%; chi giáo dục đào tạo đạt 50,4%; chi sự nghiệp kinh tế đạt

56,3%; chi y tế đạt 50,3%. Tuy chưa đạt mục tiêu đề ra nhưng ngân sách có nhiều tiến bộ so với 6 tháng đầu năm 2003. (đạt 45% và tăng 10% so với cùng kỳ năm 2002). Cơ cấu chi ngân sách có chuyển biến cơ cấu tích cực: Vừa đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu chi thường xuyên để đảm bảo phát triển kinh tế xã hội, tăng cường quốc phòng an ninh, vừa tập trung cao nguồn vốn cho đầu tư phát triển, đảm bảo tiến độ triển khai các công trình trọng điểm như đường Hồ Chí Minh, các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện lớn đồng thời đáp ứng các yêu cầu chi đột xuất chi cho phòng chống và đẩy lùi dịch cúm gia cầm. Bội chi ngân sách 6 tháng bằng 23,3% mức bội chi cả năm do Quốc Hội cho phép, trong đó 85,4% được bù đắp bằng nguồn thu trong nước và 14,6% vay nước ngoài.

Hoạt động ngân hàng, tín dụng ổn định: Tổng nguồn vốn huy động trong 6 tháng qua tăng 8,6% trong đó đáng chú ý là nguồn thu từ trái phiếu chính phủ vượt kế hoạch đề ra. Giá trị tiền đồng và tỷ giá hối đoái trên thị trường tiền tệ được giữ vững trên phạm vi cả nước. Hoạt động tín dụng có bước phát triển mới. Dự nợ cho vay toàn ngành kinh tế tăng 11,8%. Lãi suất huy động và cho vay của các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng về cơ bản ổn định dù cho chỉ số giá tiêu dùng tăng cao so với cùng kỳ. Sự kiểm soát chặt tỷ giá hối đoái 6 tháng qua đã góp phần đảm bảo giá trị đồng nội tệ và kiềm chế lạm phát trước sự biến động của thị trường thế giới.

Thị trường chứng khoán 6 tháng qua phát triển khá. Tổng giá trị giao dịch từ đầu năm đến cuối tháng 6 là 8.084 tỷ đồng, trong đó 83,6% là giao dịch trái phiếu. Bình quân mỗi phiên giao dịch đạt 74,2 tỷ đồng. Đến nay thị trường chứng khoán TP.HCM có 169 chứng khoán tham gia giao dịch, trong đó có 24 cổ phiếu, 142 trái phiếu chính phủ, 2 trái phiếu công ty và 1 trái phiếu địa phương.